

1 Quốc tịch - Không quốc tịch - Đa quốc tịch

Quốc tịch: Tư cách thành viên cấu thành = công dân của một quốc gia xác định.

Không quốc tịch: Không được bất cứ quốc gia nào xem là công dân.

Đa quốc tịch: Có từ 2 quốc tịch trở lên.

2 Lấy quốc tịch - Mất quốc tịch - Nhập quốc tịch

Lấy quốc tịch: Có được tư cách là thành viên cấu thành của một quốc gia xác định với lý do được sinh ra hay lý do khác.

Mất quốc tịch: Mất tư cách là thành viên cấu thành của một quốc gia xác định với lý do rút khỏi quốc tịch hay lý do khác.

Nhập quốc tịch: Sự công nhận của một quốc gia về việc cấp quốc tịch của quốc gia đó cho người nước ngoài trình đơn xin lấy quốc tịch của một quốc gia xác định.

3 Tư cách cư trú - Thị thực - Hộ chiếu

Tư cách cư trú: Tư cách để người nước ngoài cư trú một cách hợp pháp ở Nhật Bản.

Thị thực (visa): Chứng từ (tem nhãn) có vai trò như là một giấy giới thiệu cần thiết cho người nước ngoài khi nhập cảnh. Được cấp bởi cơ quan ngoại giao tại nước ngoài của Nhật Bản.

Hộ chiếu (passport): Công văn do chính phủ, v.v... cấp cho công dân của nước mình để chứng minh thông tin nhân thân như quốc tịch hoặc yêu cầu bảo hộ tại nước ngoài đối với các nước lưu trú hay nước quá cảnh khi thông hành ở nước ngoài.

4 Hộ khẩu - Phiếu cư dân - Thẻ cư trú - Giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt

Hộ khẩu: Chế độ đăng ký thông tin liên quan đến nhân thân theo đơn vị gia đình để Chính phủ Nhật Bản nắm bắt rõ ràng quan hệ nhân thân của công dân Nhật Bản.

Phiếu cư dân: Chế độ đăng ký thông tin liên quan đến cư trú theo đơn vị hộ gia đình để Chính phủ Nhật Bản nắm bắt rõ ràng quan hệ cư trú của công dân Nhật Bản cũng như người nước ngoài cư trú trung hạn và dài hạn.

Thẻ cư trú: Thẻ được cấp để chứng minh quan hệ nhân thân cũng như quan hệ cư trú của người nước ngoài cư trú trung hạn và dài hạn (ngoài người vĩnh trú đặc biệt), có nghĩa vụ phải mang theo trong người và xuất trình.

Giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt: Thẻ được cấp để chứng minh quan hệ nhân thân cũng như quan hệ cư trú của người vĩnh trú đặc biệt như người Hàn Quốc-Triều Tiên cư trú tại Nhật Bản hay những người khác, có nghĩa vụ phải xuất trình.

5 Kỹ thuật - Kiến thức nhân văn - Nghiệp vụ quốc tế, Nghề chuyên môn cao, Kỹ năng, Quản trị - Quản lý

Kỹ thuật - Kiến thức nhân văn - Nghiệp vụ quốc tế: Tư cách cư trú dành cho người nước ngoài tham gia vào những nghiệp vụ thuộc lĩnh vực mang tính chuyên môn, kỹ thuật.

Nghề chuyên môn cao: Tư cách cư trú mới dành cho những người nước ngoài có khả năng chuyên môn cao.

Kỹ năng: Tư cách cư trú dành cho người nước ngoài tham gia vào những nghiệp vụ phát huy kỹ năng thành thạo.

Quản trị - Quản lý: Tư cách cư trú dành cho người nước ngoài tham gia vào nghiệp vụ quản trị - quản lý của doanh nghiệp.

6 Người có hôn phối với người Nhật, v.v... - Người vĩnh trú - Người định cư - Người vĩnh trú đặc biệt

Người có hôn phối với người Nhật, v.v...: Tư cách cư trú dành cho người nước ngoài kết hôn với người Nhật, người nước ngoài được sinh ra là con của người Nhật, người nước ngoài được nhận là con nuôi đặc biệt của người Nhật.

Người vĩnh trú: Tư cách cư trú không giới hạn thời gian cư trú và hoạt động cư trú.

Người định cư: Tư cách cư trú được công nhận dành cho người có huyết thống Nhật Bản hoặc có lý do đặc biệt được cân nhắc.

Người vĩnh trú đặc biệt: Tư cách cư trú không giới hạn thời gian cư trú và hoạt động cư trú được công nhận dành cho người Hàn Quốc-Triều Tiên cư trú tại Nhật Bản hay những người khác và con cháu của họ.

7 Du học - Tu nghiệp - Thực tập kỹ năng - Hoạt động xác định

Du học: Tư cách cư trú dành cho người nước ngoài được giáo dục ở trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường đại học, trường tiếng Nhật, v.v...

Tu nghiệp: Tư cách cư trú dành cho người nước ngoài chỉ được tu nghiệp cùng với khóa học mà không tu nghiệp cùng với nghiệp vụ thực tế.

Thực tập kỹ năng: Tư cách cư trú dành cho người nước ngoài thành thạo những kỹ năng trong ngành công nghiệp và nghề nghiệp của Nhật Bản, cần phải ký kết hợp đồng lao động.

Hoạt động xác định: Tư cách cư trú dành cho từng người nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định từng nội dung hoạt động riêng biệt.

8 Người tị nạn - (Người muốn) Được bảo hộ - Người di cư

Người tị nạn: Người trốn khỏi sự đàn áp ở quốc gia của mình, tìm kiếm sự bảo hộ của quốc gia khác.

(Người muốn) Được bảo hộ: Người trốn sang quốc gia khác để tìm kiếm sự bảo hộ nhưng chưa chính thức được công nhận là người tị nạn.

Người di cư: Người di chuyển từ quốc gia mình sang quốc gia khác sinh sống.

9 Giấy chứng nhận tư cách lao động - Giấy phép hoạt động ngoài tư cách

Giấy chứng nhận tư cách lao động: Văn bản chứng nhận nội dung hoạt động làm việc mà người nước ngoài cư trú tại Nhật Bản có thể thực hiện.

Giấy phép hoạt động ngoài tư cách: Giấy phép cần thiết khi có ý định thực hiện hoạt động ngoài mục đích cư trú hiện có.

10 Lấy tư cách cư trú - Thay đổi tư cách cư trú - Gia hạn thời gian cư trú

Lấy tư cách cư trú: Lấy tư cách cư trú mới nào đó trong trường hợp rút khỏi quốc tịch Nhật Bản và trở thành người nước ngoài trong thời gian ở Nhật Bản hoặc người nước ngoài được sinh ra tại Nhật Bản.

Thay đổi tư cách cư trú: Thay đổi từ tư cách cư trú hiện tại sang loại tư cách cư trú khác.

Gia hạn thời gian cư trú: Kéo dài thời gian mà không thay đổi loại tư cách cư trú khi thời gian của tư cách cư trú hiện tại hết hạn.

11 Trục xuất cưỡng chế - Mệnh lệnh xuất cảnh - Xuất cảnh - Cho phép tái nhập cảnh

Trục xuất cưỡng chế: Trục xuất một cách cưỡng chế ra nước ngoài đối với người nước ngoài thuộc diện trục xuất cưỡng chế.

Mệnh lệnh xuất cảnh: Trường hợp ngoại lệ trong thủ tục trục xuất cưỡng chế, chế độ trả về nước khi đáp ứng đủ điều kiện nhất định mà không giam giữ trong trường hợp người nước ngoài tự nguyện ra đầu thú với Quản lý nhập cảnh và xin được về nước trước khi bị phát giác.

Xuất cảnh: Ra khỏi Nhật Bản của người nước ngoài với sự xác nhận của Cán bộ thẩm tra nhập cảnh.

Cho phép tái nhập cảnh: Sự cho phép cần thiết cho người nước ngoài cư trú tại Nhật Bản giữ nguyên tư cách cư trú trước khi xuất cảnh để vào lại Nhật Bản trong một thời hạn nhất định sau khi xuất cảnh đến quốc gia của mình hoặc quốc gia thứ 3.

12 Cho phép cư trú đặc biệt - Xin tái xét

Cho phép cư trú đặc biệt: Sự xử lý công nhận người nước ngoài thuộc diện trục xuất cưỡng chế được cư trú đặc biệt theo định đoạt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Xin tái xét: Thủ tục mong muốn Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem lại việc xử lý và cho phép cư trú đặc biệt, dựa trên lý do có phát sinh tình huống mới hay lý do khác đối với người nước ngoài đã bị gửi giấy trục xuất cưỡng chế.

13 Bảo lãnh tại ngoại - Tạm tha bổng

Bảo lãnh tại ngoại: Sự thả ra tạm thời dựa trên điều kiện nhất định đối với bị cáo đang bị tạm giam (hạn chế hoạt động thân thể) và bị khởi tố trong vụ án hình sự.

Tạm tha bổng: Sự tạm thời hủy bỏ giam giữ dựa trên điều kiện nhất định đối với người bị Quản lý nhập cảnh giam giữ (hạn chế hoạt động thân thể).

14 Cán bộ cảnh sát - Cán bộ kiểm sát - Cán bộ bảo vệ nhập cảnh - Cán bộ thẩm tra nhập cảnh

Cán bộ cảnh sát: Cán bộ nhà nước cấp địa phương hoặc cấp trung ương (viên chức cảnh sát) thuộc ngành công an, có nhiệm vụ đề phòng và trấn áp tội phạm, duy trì an ninh công cộng, điều tra tội phạm, v.v... Tính đến năm 2014, trên toàn quốc có khoảng 280 nghìn người.

Cán bộ kiểm sát: Cán bộ nhà nước cấp trung ương thuộc ngành thông thường có nhiệm vụ thực hiện điều tra tội phạm, quyết định có khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, sau khi khởi tố thì thực hiện chứng minh tội phạm ở tòa án, v.v... Bao gồm Tổng trưởng kiểm sát viên, Phó trưởng kiểm sát viên, Trưởng kiểm sát viên, Kiểm sát viên, Phó kiểm sát viên. Tính đến năm 2014, trên toàn quốc có khoảng 2700 người.

Cán bộ bảo vệ nhập cảnh: Cán bộ nhà nước cấp trung ương thuộc ngành công an (viên chức quản lý nhập cảnh) có nhiệm vụ thực hiện những việc liên quan đến thủ tục trục xuất cưỡng chế như điều tra, phát hiện, giam giữ, đối xử ở các cơ sở giam giữ, gửi hồi hương, v.v... Tính đến năm 2014, trên toàn quốc có khoảng 1500 người.

Cán bộ thẩm tra nhập cảnh: Cán bộ nhà nước cấp trung ương thuộc ngành hành chính và ngành chỉ định (viên chức quản lý nhập cảnh) có nhiệm vụ thẩm tra xuất nhập cảnh và cư trú, điều trần là một phần trong thủ tục trục xuất cưỡng chế, điều tra liên quan đến việc chứng nhận người tị nạn, v.v... Tính đến năm 2014, trên toàn quốc có khoảng 2000 người.

15 Bắt giữ - Tạm giam - Giam cầm

Bắt giữ: Chế độ trong đó cơ quan điều tra hạn chế hoạt động thân thể của nghi can để đề phòng việc cất giấu tiêu hủy chứng cứ hoặc đào tẩu. Ngoài việc bắt giữ thông thường, còn có bắt giữ quả tang/gần như quả tang, bắt giữ khẩn cấp.

Tạm giam: Thủ tục tiếp theo sau khi bắt giữ, chế độ hạn chế hoạt động thân thể của nghi can để đề phòng cất giấu tiêu hủy chứng cứ hoặc đào tẩu (tạm giam trước khởi tố) và hạn chế hoạt động thân thể của bị cáo sau khi khởi tố (tạm giam sau khởi tố).

Giam cầm: Một trong 7 loại hình phạt được công nhận ở Nhật Bản, một loại hình phạt về tự do (hình phạt tước mất tự do bằng cách giam vào cơ sở hình sự). Thường hay bị nhầm lẫn với tạm giam nhưng hoàn toàn khác hẳn. Mức giới hạn tối đa là 29 ngày, được xếp vào hình phạt nhẹ trong Luật hình sự.

16 Khởi tố - Không khởi tố - Hoãn khởi tố

Khởi tố: Việc cán bộ kiểm sát đề khởi tố tụng vụ án hình sự lên tòa án.

Không khởi tố: Việc cán bộ kiểm sát không đề khởi tố tụng vụ án hình sự lên tòa án.

Hoãn khởi tố: Việc không khởi tố theo định đoạt của cán bộ kiểm sát đối với vụ việc thật ra có thể khởi tố. Theo nghĩa rộng là một phần của không khởi tố.

17 Nghi can - Người bị tình nghi - Bị cáo - Bị đơn - Bị hại (bởi tội phạm)

Nghi can: Người thuộc đối tượng điều tra do nghi ngờ là phạm nhân của một tội phạm cụ thể nhưng chưa bị khởi tố.

Người bị tình nghi: Thuật ngữ thông tin truyền thông được dùng với cùng một ý nghĩa với từ nghi can được đề cập ở trên. Không phải là cách diễn đạt trong pháp luật.

Bị cáo: Người bị khởi tố được xem là đối tượng truy tố xét xử hình sự. Bị khởi tố bởi cán bộ kiểm sát (truy tố) và cùng lúc đó nghi can trở thành bị cáo.

Bị đơn: Người ở vị trí phía bên kia, bị khiếu kiện bằng xét xử dân sự. Trong thuật ngữ thông tin truyền thông cũng để chỉ “Bị cáo” của vụ án hình sự, tuy nhiên theo cách diễn đạt trong pháp luật thì chỉ là đương sự của vụ án dân sự.

Bị hại (bởi tội phạm): Người bị thiệt hại bởi một tội phạm cụ thể. Theo nghĩa rộng, từ này chỉ người hoặc là gia đình-gia quyến bị thiệt hại bởi tội phạm và các hành vi dựa vào đó. Trong thủ tục hình sự thì “Bị hại bởi tội phạm (v.v...)” có một vị trí nhất định.

18 Người biện hộ - Người đi cùng - Luật sư phụ trách vụ án

Người biện hộ: Người đóng vai trò bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nghi can, bị cáo trong vụ án

hình sự.

Người đi cùng: Người đóng vai trò bảo vệ quyền lợi và lợi ích của trẻ thiếu niên trong vụ án thiếu niên.

Luật sư phụ trách vụ án: Luật sư được nhanh chóng phái cử từ đoàn luật sư của các nơi trong trường hợp nhận được yêu cầu hành động từ nghi can bị hạn chế hoạt động thân thể (bắt giữ, tạm giam) hoặc người có liên quan. Không dựa vào chế độ trên pháp luật mà thực hiện bằng chế độ thiết kế riêng và ngân sách riêng của đoàn luật sư.

19 Thực thi hình phạt - Hoãn thi hành

Thực thi hình phạt: Thi hành hình phạt ngay lập tức sau khi nhận phán quyết có tội.

Hoãn thi hành: Hoãn việc thi hành hình phạt trong một khoảng thời gian nhất định mà không thi hành hình phạt ngay lập tức cho dù đã nhận phán quyết có tội.

20 Kết hôn - Hôn nhân thực tế - Đính hôn

Kết hôn: Sự trở thành vợ chồng dựa trên cơ sở cùng đồng ý của nam nữ.

Hôn nhân thực tế: Tình trạng có ý muốn kết hôn, về mặt xã hội thực tế là vợ chồng nhưng chưa làm thủ tục kết hôn (kết hôn thực tế).

Đính hôn: Sự cùng đồng ý kết hôn trong tương lai.

21 Con ruột - Con nuôi - Con nuôi đặc biệt

Con ruột: Đứa con được công nhận trên pháp luật là có quan hệ huyết thống sinh học với cha mẹ.

Con nuôi: Đứa con có được thân phận là con trong giá thú theo quan hệ con nuôi.

Con nuôi đặc biệt: Con nuôi thành lập theo phán quyết của tòa án gia đình bằng hình thức kết thúc quan hệ thân tộc với cha mẹ ruột vì quyền lợi của trẻ dưới 6 tuổi.

22 Con trong giá thú - Con ngoài giá thú

Con trong giá thú: Con được sinh ra giữa nam nữ có quan hệ hôn nhân trên pháp luật.

Con ngoài giá thú: Con được sinh ra giữa nam nữ không có quan hệ hôn nhân trên pháp luật.

23 Ly hôn theo thuận tình - Ly hôn theo điều đình - Ly hôn theo phân xử - Ly hôn theo xét xử tại tòa án

Ly hôn theo thuận tình: Ly hôn bằng cách trình báo dựa trên sự cùng đồng ý của vợ chồng sau

khi trao đổi với nhau.

Ly hôn theo điều đình: Ly hôn được thành lập bởi sự điều đình của tòa án gia đình.

Ly hôn theo phân xử: Ly hôn được thành lập theo phân xử thay vì điều đình khi được công nhận là phù hợp trong trường hợp điều đình của tòa án gia đình không thành lập.

Ly hôn theo xét xử tại tòa án: Ly hôn thành lập bằng phán quyết của tòa án.

24 Quyền cha mẹ - Quyền giám hộ

Quyền cha mẹ: Tên gọi chung cho quyền lợi và nghĩa vụ của cha mẹ về quyền giám hộ thân thể (quyền giáo dục, quyền chỉ định nơi ở, quyền trừng phạt, v.v...) và quản lý tài sản đối với trẻ chưa thành niên.

Quyền giám hộ: Quyền lợi và nghĩa vụ giám sát, bảo hộ và giáo dục trẻ trên thực tế. Trên thực chất là quyền lợi và nghĩa vụ tạo nên một phần của quyền cha mẹ.

25 Chi phí nuôi dưỡng - Chi phí hôn nhân

Chi phí nuôi dưỡng: Chi phí cần thiết để nuôi dưỡng “con chưa trưởng thành” (con chưa thể tự lập về mặt kinh tế, không liên quan đến việc đã đạt đến tuổi thành niên hay chưa). Khi đang trong quan hệ hôn nhân thì đây là một phần trong chi phí hôn nhân nhưng sau khi ly hôn thì (vợ chồng cũ) phân chia gánh vác.

Chi phí hôn nhân: Chi phí cần thiết cho vợ chồng thực hiện sinh hoạt gia đình trong đời sống hôn nhân. Bao gồm các chi phí như phí ăn mặc ở, phí y tế, phí vui chơi giải trí, phí nuôi dưỡng và giáo dục con chưa trưởng thành, những phần này vợ chồng phải cùng nhau phân chia gánh vác.

26 Tiền bồi thường - Phân chia tài sản

Tiền bồi thường: Tiền bồi thường tổn hại trả cho tổn hại về tâm thần. Chỉ tiền bồi thường tổn hại cho tổn hại về tâm thần đã gánh chịu do những hành vi là nguyên nhân ly hôn hay bị dồn ép dẫn đến tan vỡ hôn nhân trong trường hợp ly hôn.

Phân chia tài sản: Sự phân chia (phân chia với nhau) tài sản khi ly hôn mà vợ chồng đã tạo dựng trong đời sống hôn nhân.

27 Thừa kế - Di chúc - Thừa kế tối thiểu theo pháp luật

Thừa kế: Sự cho người thừa kế tiếp nhận vị trí về mặt tài sản khi người đã chết.

Di chúc: Sự thể hiện ý muốn khi còn sống về xử lý tài sản và thân thể sau khi chết.

Thừa kế tối thiểu theo pháp luật: Phần di sản nhận được bảo đảm ở mức tối thiểu cho người thừa kế theo pháp luật (không bao gồm anh chị em) không phụ thuộc vào nội dung của di chúc.

28 Cố định triệu chứng - Tồn hại di chứng - Lợi ích tổn thất

Cố định triệu chứng: Tình trạng không thể chữa lành thương tổn do tai nạn hay vụ án cho dù có tiếp tục điều trị thêm nữa.

Tồn hại di chứng: Tồn hại về tâm thần và thể chất còn sót lại sau khi cố định triệu chứng.

Lợi ích tổn thất: Sự tổn hại do mất lợi ích về kinh tế mà đúng ra bị hại sẽ có được nếu không có tai nạn hoặc vụ án.

29 Vỡ nợ - Phá sản

Vỡ nợ: Tình trạng cá nhân hoặc pháp nhân kiệt quệ về kinh tế, gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ phải trả, không thể tiếp tục hoạt động kinh tế.

Phá sản: Theo nghĩa rộng thì giống như vỡ nợ. Theo nghĩa hẹp, dựa theo Luật phá sản thì đây là thủ tục nhằm mục đích để tổng tài sản của con nợ được thanh toán một cách công bằng cho tất cả chủ nợ sau khi nhận quyết định bắt đầu thủ tục phá sản của tòa án.

30 Hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động: Thông thường là cam kết, hợp đồng giữa công ty và người làm việc ở nơi đó. Quy định các điều kiện như có quy định về tiền lương, nơi làm việc, thời gian làm việc, v.v... hay không.

31 Nhận giao khoán - Ủy thác - Phái cử

Nhận giao khoán: Hợp đồng hoàn thành công việc qui định trước ngày cam kết. Là hợp đồng mà bên được giao công việc có thể tự do sử dụng ai, cách tiến hành công việc như thế nào, v.v...

Ủy thác: Hợp đồng giống như nhận giao khoán, cam kết giữa bên giao việc (“bên ủy thác”) và bên nhận việc (“bên nhận ủy thác”) về hoàn thành công việc nhất định, v.v...

Phái cử: Hợp đồng trong đó công ty (bên phái gửi) tuyển dụng người lao động có kỹ năng nhất định sau đó phái cử đến công ty cần người lao động đó (bên nhận phái gửi) và người lao động làm việc theo chỉ huy của bên nhận phái gửi.

32 Thôi việc - Sa thải - Ngưng thuê

Thôi việc: Việc người lao động từ bỏ nơi tuyển dụng vào làm việc theo suy nghĩ của chính mình.

Sa thải: Việc bên sử dụng lao động đơn phương cho người lao động thôi việc.

Ngưng thuê: Việc bên sử dụng lao động từ chối gia hạn hợp đồng lao động khi hợp đồng đã mãn hạn trong trường hợp thời gian của hợp đồng lao động giữa người lao động và bên sử dụng lao động là 6 tháng hoặc 1 năm.

33 Khởi nghiệp

Khởi nghiệp: Việc bắt tay vào một mảng kinh doanh mới. Gồm có cách thành lập công ty và cách kinh doanh theo hình thức kinh doanh cá thể. Trường hợp người nước ngoài khởi nghiệp, nếu tư cách cư trú là người vĩnh trú thì không có giới hạn gì, nhưng trường hợp khác thì có giới hạn nhất định.

34 Thuế thu nhập - Thuế cư dân - Khai báo xác định thu nhập

Thuế thu nhập: Thuế nhà nước được đánh đối với thu nhập (lợi nhuận, lợi tức) có được của cá nhân trong 1 năm. Thuế suất được quy định tương ứng theo mức thu nhập.

Thuế cư dân: Tên gọi chung của thuế cư dân thành phố/thị trấn/làng xã và thuế cư dân tỉnh/thành, là thuế địa phương do thành phố/thị trấn/làng xã thu đồng loạt một lần. Thuế được đánh ở địa chỉ cư trú tại thời điểm ngày 1 tháng 1.

Khai báo xác định thu nhập: Thủ tục thực hiện khi người có thu nhập tiền lương v.v... khai báo thuế thu nhập và nộp thuế. Trên nguyên tắc, phải nộp giấy khai báo xác định thu nhập cho sở thuế trong khoảng thời gian từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 15 tháng 3 của năm kế tiếp.

35 Bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp: Chế độ trong đó người làm việc ở công ty được cấp tiền trong một thời hạn nhất định khi bị công ty sa thải, khi thôi việc v.v... Do đó, người làm việc phải tích lũy phí bảo hiểm khi có thu nhập.

36 Bảo hiểm tai nạn

Bảo hiểm tai nạn: Chế độ trong đó nhà nước trả chi phí điều trị vết thương hoặc bệnh tật khi người làm việc bị thương trong khi làm việc, bị bệnh với nguyên nhân là do công việc hoặc bị thương khi đang trên đường đến công ty. Thêm nữa, nhà nước sẽ cấp một khoản tiền nhất định khi không có thu nhập do không làm việc được.

37 Bảo hiểm y tế - Lương hưu

Bảo hiểm y tế: Chế độ của nhà nước trong đó người lao động hoặc gia đình họ trả 10% đến 30% phí điều trị, được trợ cấp y tế khi bị bệnh hoặc bị thương. Người lao động làm việc ở công ty (gồm cả người lao động bán thời gian nếu đủ điều kiện nhất định) thuộc diện người được bảo hiểm.

Lương hưu: Chế độ được bảo đảm sau khi về già, được nhận an sinh xã hội trong trường hợp bị khuyết tật hoặc tử vong. Tham gia trong trường hợp từ 20 tuổi trở lên (lương hưu toàn dân) hoặc trường hợp được công ty tuyển dụng (lương hưu phúc lợi).

38 Bảo hộ sinh hoạt - Trợ cấp xã hội

Bảo hộ sinh hoạt: Chế độ được nhà nước bảo đảm sinh hoạt ở mức tối thiểu và hỗ trợ tự lập ứng với mức khốn khó.

Trợ cấp xã hội: Chế độ được cấp tiền dựa trên điều kiện nhất định như thu nhập, tuổi tác, khuyết tật, tình trạng gia đình, v.v...

39 Giáo dục nghĩa vụ - Tuổi đi học - Chuyển trường trong nước - Chuyển trường từ nước ngoài

Giáo dục nghĩa vụ: Giáo dục phổ thông được miễn phí cho trẻ từ đủ 6 tuổi đến 15 tuổi. Theo Hiến pháp và luật pháp, công dân có nghĩa vụ cho con cái mà mình bảo hộ được nhận giáo dục này.

Tuổi đi học: Tuổi nhận giáo dục nghĩa vụ. Ở Nhật Bản hiện giờ là từ đủ 6 tuổi đến 15 tuổi.

Chuyển trường trong nước: Việc chuyển đến từ trường khác (trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở liên thông trung học phổ thông, trường hỗ trợ đặc biệt, trường đại học và trường cấp ba chuyên dạy nghề) khi đang giữa chương trình học.

Chuyển trường nước ngoài: Việc chuyển đến trường học của Nhật Bản từ cơ sở giáo dục ở nước ngoài hoặc trường dành cho người nước ngoài ở Nhật Bản khi đang giữa chương trình học.

40 Hướng dẫn thích ứng - Hướng dẫn tiếng Nhật - Hỗ trợ tiếng mẹ đẻ

Hướng dẫn thích ứng: Hướng dẫn, hỗ trợ nhằm mục đích giúp trẻ có liên quan đến nước ngoài thích ứng với sinh hoạt trường học và tập quán ở Nhật Bản.

Hướng dẫn tiếng Nhật: Hướng dẫn, hỗ trợ tiếng Nhật được thực hiện nhằm mục đích giúp trẻ có

liên quan đến nước ngoài có thể sử dụng tiếng Nhật để sinh hoạt trong trường học và nỗ lực trong học tập.

Hỗ trợ tiếng mẹ đẻ: Hỗ trợ để trẻ có liên quan đến nước ngoài không đánh mất ngôn ngữ và văn hóa mẹ đẻ.

41 Học lên trung học phổ thông - Học lên đại học - Biện pháp đặc biệt khi thi nhập học - Khung đặc biệt khi thi nhập học

Học lên trung học phổ thông: Trên nguyên tắc, người từ đủ 15 tuổi trở lên, tốt nghiệp trung học cơ sở, v.v... hoặc đáp ứng điều kiện để được xem là tương đương hoặc cao hơn mức đó là người có đủ điều kiện để học lên, sau khi vượt qua vòng tuyển chọn người nhập học trung học phổ thông thì có thể nhập học.

Học lên đại học: Trên nguyên tắc, người tốt nghiệp trung học phổ thông, v.v... hoặc đáp ứng điều kiện để được xem là tương đương hoặc cao hơn mức đó là người có đủ điều kiện để học lên, sau khi vượt qua vòng tuyển chọn người nhập học đại học thì có thể nhập học.

Biện pháp đặc biệt khi thi nhập học: Biện pháp nhất định được thực hiện nhằm giảm nhẹ sự giới hạn về mặt ngôn ngữ của trẻ có liên quan đến nước ngoài trong kỳ thi nhập học trung học phổ thông bình thường.

Khung đặc biệt khi thi nhập học: Khung nhập học dành cho trẻ có liên quan đến nước ngoài trong đó trẻ có thể tham gia kỳ thi đặc biệt có nội dung khác với nội dung thi nhập học bình thường. Đang được thực hiện ở một số trường trung học phổ thông và đại học xác định.

42 Trường học dành cho người nước ngoài - Trường quốc tế - Trường dân tộc

Trường học dành cho người nước ngoài: Tên gọi chung của các cơ sở giáo dục chủ yếu thực hiện chương trình giáo dục dành cho trẻ có liên quan đến nước ngoài.

Trường quốc tế: Một trong những trường học dành cho người nước ngoài, là cơ sở có giờ học chủ yếu được thực hiện bằng tiếng Anh.

Trường dân tộc: Một trong những trường học dành cho người nước ngoài, là cơ sở tiến hành giáo dục tập trung vào một dân tộc, quốc gia nào đó. Cũng được gọi là trường quốc gia.

43 Nhập viện theo sự bảo hộ y tế - Nhập viện như là biện pháp

Cả hai hình thức đều cần phải nhập viện vì có trở ngại tâm thần và là hình thức nhập viện cưỡng chế khi không nhận được sự đồng ý của đương sự. Nhập viện theo sự bảo hộ y tế được thực hiện với sự đồng ý của gia đình hoặc người bảo hộ, v.v... Nhập viện như là biện pháp được thực

hiện khi được đánh giá là có nguy cơ tự gây thương tích hay tổn hại người khác. Cho dù loại nào thì đều cần sự thăm khám của bác sỹ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe tâm thần chỉ định.

44 Khoa tâm thần (Khoa thần kinh) - Khoa trị liệu tâm lý - Khoa nội thần kinh - Khoa ngoại não

Khoa tâm thần (Khoa thần kinh): Khoa điều trị bệnh tâm lý thông thường.

Khoa trị liệu tâm lý: Khoa khám chủ yếu về bệnh tâm thể cũng như chứng loạn thần kinh chức năng và bệnh trầm cảm nhẹ.

Khoa nội thần kinh: Khoa khám bệnh về thể chất liên quan đến não và thần kinh như viêm não, viêm thần kinh, v.v...

Khoa ngoại não: Khoa liên quan đến phần đầu, khám chấn thương phần đầu, nhồi máu não, v.v...

45 Bệnh tâm thần - Chứng loạn thần kinh chức năng

Bệnh tâm thần: Từ xưa được gọi là điên dại, có nghĩa là ở trạng thái khác với trạng thái tâm thần bình thường. Có thể nêu lên điển hình của loại bệnh này là chứng tâm thần phân liệt và bệnh hưng trầm cảm.

Chứng loạn thần kinh chức năng: Xuất hiện triệu chứng bất thường về tâm thần và thể chất kéo dài liên tục với nguyên nhân là cảm thấy phiền não trong lòng.

46 Rối loạn tâm thần - Rối loạn trí tuệ - Rối loạn phát triển

Rối loạn tâm thần: Chỉ toàn bộ các bệnh về tâm thần, bao gồm cả rối loạn trí tuệ và rối loạn phát triển.

Rối loạn trí tuệ: Chỉ sự phát triển không đầy đủ của trí thông minh, IQ (chỉ số thông minh) dừng lại ở 70 trở xuống.

Rối loạn phát triển: Có loại phạm vi rộng như chứng tự kỷ và hội chứng Asperger và loại đặc biệt như rối loạn phát triển ngôn ngữ.

47 DV (Bạo lực trong gia đình) - Quấy rối tình dục

DV: Bạo lực trong gia đình. Một loại ngược đãi, không phân biệt tuổi tác, quốc tịch, giới tính, khuyết tật, tình trạng kinh tế, khu vực và lối sống, là sự ngược đãi từ gia đình và người khác cùng sinh hoạt với nhau chung một nơi.

Quấy rối tình dục: Những lời nói và hành động về giới tính đi ngược lại ý muốn của bên kia,

cho dù bị từ chối nhưng vẫn thực hiện hành vi đó một cách minh bạch hoặc âm thầm, những lời nói và hành động về giới tính đó gây ra bất lợi nhất định về mặt tâm thần hay trong sinh hoạt.

48 Ngược đãi tình dục - Ngược đãi trẻ em - Bắt nạt

Ngược đãi tình dục: Hành vi tội phạm về mặt vật lý như là hãm hiếp hay bạo lực tình dục, dùng lời nói quấy rối về tình dục, hành vi rình rập, hành vi làm thỏa mãn những kích thích về tình dục mà nạn nhân không đồng tình.

Ngược đãi trẻ em: Hành vi bạo lực đối với trẻ em về thể chất, tình dục, bỏ bê (bỏ phế giáo dục trẻ, bỏ phế giám hộ), hành vi ngược đãi về tâm lý.

Bắt nạt: Hành vi chà đạp một cách công kích lên sự tôn nghiêm, lòng tự hào của con người, sự tín nhiệm đối với con người. Không phân biệt là trực tiếp hay gián tiếp, thể hiện bên ngoài hay ẩn giấu bên trong, đơn lẻ hay có tổ chức.

49 Informed consent (Sự đồng ý sau khi được giải thích)

Informed consent: Được dịch là “Sự đồng ý sau khi được giải thích”. Có nghĩa là bác sỹ giải thích đầy đủ với bệnh nhân trước khi bắt đầu điều trị, bệnh nhân đồng ý thực hiện điều trị theo ý muốn của chính mình.

50 Sốc văn hóa - Căng thẳng vì khác biệt văn hóa

Sốc văn hóa: Sốc hoặc bối rối về tâm lý do tập quán và cách suy nghĩ khác xa so với văn hóa của quốc gia mình khi nhìn thấy hoặc tiếp xúc với nền văn hóa khác.

Căng thẳng vì khác biệt văn hóa: Căng thẳng phát sinh do sinh sống trong vùng văn hóa khác hay gặp gỡ nền văn hóa khác. Xảy ra khi thay đổi nơi ở, hôn nhân quốc tế, nhận nhiệm vụ ở nước ngoài, du học, du lịch nước ngoài, v.v...

“Những điều tối thiểu cần nên biết! Kiến thức cơ bản trong tư vấn cho người nước ngoài”

Giám sát biên tập bởi Sugisawa Michiko, Seki Sosuke, Abe Yu (2015), Shohakusha Publishing Co., Ltd.

Chi dịch Phần 3 Giải thích tổng quan về 50 thuật ngữ chuyên môn trong số những điều

tối thiểu cần nên biết